TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 856/2023/DS-PT
Ngày: 22 - 12 - 2023
V/v Tranh chấp chia thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Hà Huy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Vâng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15/12/2023 và 22/12/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 550/2022/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp chia thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 780/2021/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2337/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Hà Thúc M, sinh năm 1946 (có mặt ngày 15/12/2023, vắng mặt ngày 22/12/2023)

Địa chỉ: Số A Đường A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Hà Văn Trung H, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: 12826 163rd Ave SE, Renton, WA I, Hoa Kỳ

Địa chỉ liên lạc: Số A P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

1/ Ông Đỗ Trọng Q, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/Bà Trịnh Thị H1, sinh năm 1986 (có mặt ngày 15/12/2023, vắng mặt ngày 22/12/2023)

Địa chỉ: Số A P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Trương Thị H2 – Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt ngày 15/12/2023, vắng mặt ngày 22/12/2023).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/Bà Đỗ Thị Song A, sinh năm 1941 (đã chết)

Địa chỉ: Khu A, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận

2/Bà Đỗ Thị Như P, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu A, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận

3/Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: Số A Đường A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Hà Văn Trung H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Hà Thúc M Trình bày:

Ông M và bà Đỗ Thị Song P1 là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo chứng thư hôn thú số hiệu 107/72 ngày 26/7/1972 tại xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Cha mẹ của bà P1 là cụ ông Đỗ Hữu T1 (sinh năm 1914, chết năm 1996) và cụ bà Trần Thị T2 (sinh năm 1912, chết năm 2003) đều có giấy chứng tử.

Trong thời kỳ hôn nhân, ông M và bà P1 đã sinh được 01 (một) người con chung duy nhất tên là Hà Văn Trung H (sinh năm 1976) ngoài ra không có con riêng và con nuôi nào khác. Ngày 19/8/1997 bà P1 chết không để lại di chúc.

Khi còn sống bà P1 với ông M có mua của vợ chồng ông Nguyễn Văn Ú Ráu và bà Trương Thị A1 căn nhà và phần đất tại địa chỉ số C, ấp T, xã B, huyện T, Thành H với giá trị là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) theo hợp đồng mua bán chuyển nhượng nhà đất ngày 14/12/1996. Lúc mua căn nhà này là nhà tranh đã mục nát, xuống cấp nên đến cuối năm 1999 ông M đã tháo dỡ căn nhà tranh cũ nát mà vợ chồng ông M mua để xây cất lại căn nhà này và quản lý sử dụng đến hiện nay. Ngày 19/12/2003 ông M được Ủy ban nhân dân Quận B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở thuộc thửa đất số 204, tờ bản đồ số 3 có diện tích 484m^2. Ngày 13/4/2015 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận B chứng nhận thay đổi quyền sở hữu nhà ở trong đó diện tích khu đất là 467m^2, diện tích xây dựng là 219,2m^2, diện tích sàn xây dựng là 354m^2 số tầng 2, gác gỗ sân thượng, mái bê tông cốt thép được tọa lạc tại địa chỉ số A đường A, ấp T, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài tài sản là nhà đất này ra thì bà P1 không còn để lại tài sản nào khác.

Hiện nay con ông M là ông Hà Văn Trung H không đồng ý làm văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của bà P1 để lại nên đã xảy ra tranh chấp. Nay ông M có yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của bà P1 để lại cho ông M được hưởng phần đất 121m^2 và được hưởng 1/4 căn nhà này thuộc thửa đất số 204, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại địa chỉ số A đường A, ấp T, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông M yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của bà P1 cho ông M bằng hiện vật.

Vì nhà đất đang tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng giữa ông M với bà P1 trong thời kỳ hôn nhân, nên theo quy định pháp luật ông M được quyền sở hữu riêng đối với 2 giá trị nhà đất trong khối tài sản chung với bà P1. Ngoài ra khi bà P1 chết không lập di chúc để định đoạt di sản thừa kế cho ai cho nên 1/2 giá trị nhà đất là di sản thừa kế của bà P1 sẽ được đem ra chia theo pháp luật, theo tờ tường trình quan hệ nhân thân được Uỷ ban nhân dân phường xác nhận thì những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của bà P1 hiện nay còn sống là ông M và ông Hà Văn Trung H. Các đồng thừa kế khác thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà P1 đều đã chết.

Do đó di sản thừa kế của bà P1 để lại là 1/2 giá trị nhà đất trong khối tài sản chung vợ chồng sẽ được chia đều cho ông M và ông H.

Theo kết quả thẩm định giá tại chứng thư định giá do công ty cổ phần G phát hành tháng 7/2020 đối với tài sản thẩm định giá là Quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất tọa lạc tại số A đường A, ấp T, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc tài sản chung của vợ chồng ông M thì:

Tổng giá trị tài sản nhà đất : 26.755.967.000 đồng (hai mươi sáu tỷ, bảy trăm năm mươi lăm triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Dựa trên kết quả định giá tài sản của chứng thư định giá này có cơ sở để xác định rằng phần di sản thừa kế của bà P1 để lại là 1/2 giá trị tài sản nhà đất trong khối tài sản chung vợ chồng tương đương số tiền 13.377.983.500 đồng. Vì bà P1 khi chết không để lại di chúc để tài sản cho người thừa kế nào, cha mẹ bà P1 cũng đã chết theo như tờ tường trình nhân thân và giấy chứng tử cho nên căn cứ theo quy định của pháp luật thừa kế được quy định tại Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự 2015 xác định rằng ông M và ông H sẽ là người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà P1. Tổng giá trị mỗi phần thừa kế cả giá trị đất và nhà mà ông M và ông H mỗi người được chia là: 6.688.717.169 đồng

Nay ông M có nguyện vọng được nhận phần di sản thừa kế trên của bà P1 bằng hiện vật. Vì nhu cầu thực tế và hoàn cảnh thì hiện tại ông M đang sinh sống và quản lý nhà đất này, ông Hà Văn Trung H đang sinh sống tại nước ngoài không trực tiếp ở trên nhà đất này. Do đó, ông M đề nghị Tòa án phân chia di sản của bà P1 cho ông M bằng hiện vật đối với nhà đất này để quản lý sử dụng và ông M sẽ có trách nhiệm trích giá trị phần chênh lệch số tiền 6.688.717.169 đồng mà ông Hà Văn Trung H được nhận từ di sản thừa kế mà bà P1 để lại.

Vì hiện nay ông H không sinh sống ở Việt Nam, nên phần giá trị thừa kế mà ông H được hưởng nên ông M đề nghị Tòa án tạm giao cho ông M quản lý

trông coi, khi nào ông H về Việt Nam ông M sẽ có trách nhiệm giao trả lại phần giá trị di sản thừa kế này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Bích Thủy s năm 1958 là vợ hợp pháp của ông Hà Thúc M năm 1999 có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận B (nay là Thành phố T) Thành phố Hồ Chí Minh. Bà và ông M không có con chung. Căn nhà là di sản thừa kế của bà Đỗ Thị Song P1 tại địa chỉ số A, đường A, khu phố E, phường B, Quận B (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc là do ông Hà Thúc M và bà Đỗ Thị Song P1 (vợ đầu của ông M) nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Văn Út R và bà Trương Thị A1 vào năm 1996 với giá 50.000.000 đồng. Tuy nhiên căn nhà này thời điểm nhận chuyển nhượng chỉ là nhà tranh đã xuống cấp dột nát. Sau khi bà P1 chết năm 1997 thì ông M đã phá dỡ căn nhà cũ này để xây cất lại toàn bộ nhà và công trình xây dựng như hiện nay.

Trong quá trình chung sống vợ chồng với ông M, bà không có công sức đóng góp gì với căn nhà này. Nay ông Hà Thúc M có yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế đối với căn nhà này là di sản của Bà P1 để lại ông M, bà không có ý kiến và yêu cầu gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 780/2021/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Hà Thúc M

2. Xác định 1/2 quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở căn nhà số A đường A, ấp T, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của bà Đỗ Thị Song P1.

3. Xác định thời điểm mở thừa kế là 19/8/1997, khi bà Đỗ Thị S P1 chết, di sản để lại là 1/2 quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở căn nhà số A đường A, ấp T, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Những người được hưởng di sản thừa kế của bà Đỗ Thị Song P1 là ông Hà Thúc M, ông Hà Văn Trung H và bà Trần Thị T2 (đã chết nên bà Đỗ Thị Song A, bà Đỗ Thị Như P và ông Hà Văn Trung H nhận phần thừa kế của bà Trần Thị T2).

5. Ông Hà Thúc M được hưởng 1/3 trên 1/2 giá trị căn nhà số A đường A, ấp T, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông Hà Văn Trung H được hưởng 4/9 trên 1/2 giá trị căn nhà số A đường A, ấp T, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí MinhMinh

7. Bà Đỗ Thị Song A được hưởng 1/9 trên 1/2 giá trị căn nhà số A đường A, ấp T, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí MinhMinh.

8. Bà Đỗ Thị Như P được hưởng 1/9 trên 1/2 giá trị căn nhà số A đường A, ấp T, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí MinhMinh.

9. Giao căn nhà số A đường A, ấp T, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Hà Thúc M được sở hữu sau khi thanh toán xong số tiền cho các thừa kế theo giá trị nhà được chia thừa kế tại mục 6,7,8 nêu trên tại thời điểm thi hành án. Ông Hà Thúc M có quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin hợp thức hóa sang tên căn nhà số A đường A, ấp T, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

11. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thành toán hay chậm thanh toán thì còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/02/2022 bị đơn ông Hà Văn Trung H kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Hà Văn Trung H (có bà Trịnh Thị H1 là đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm vì:

- Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện việc tống đạt văn bản tố tụng cho ông H, sau khi có bản án sơ thẩm thì đến tháng 4/2022 thì ông H mới được nhận bản án;

- Hàng thừa kế theo xác định của bản án sơ thẩm là không đúng, vì ông H3 chết năm 2022 chứ không phải năm 1995, bà A đã chết năm 2012 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà A còn sống và không biết được nơi cư trú của bà A; Bà P không phải là hàng thừa kế của bà T2’

- Về di sản thừa kế: Trên đất có căn nhà 3 tầng do ông H bỏ tiền xây dựng, nhưng bản án sơ thẩm xác định toàn bộ tài sản là tài sản chung của ông M bà P1 là không đúng.

Nguyên đơn ông Hà Thúc M không đồng ý yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trong phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu: Sau khi về Việt Nam thì ông H mới nhận được bản án sơ thẩm ngày 24/4/2022, nên ông H kháng cáo bản án sơ thẩm là đúng trong thủ tục tố tụng.

Ông H kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm với các lý do sau:

- Ông H không nhận được văn bản tố tụng của Tòa án, vì nguyên đơn đã cung cấp địa chỉ không chính xác. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cho rằng địa chỉ bị đơn cung cấp cho Tòa án là địa chỉ trong thiệp mời đám cưới, nhưng địa chỉ đó là địa chỉ nhà vợ của ông H, căn nhà đã bị phát mãi năm 2017,

nên ông H không ở tại địa chỉ này. Ủy thác tư pháp phải thực hiện đúng địa chỉ cư ngụ của đương sự nhưng ông H không cư ngụ tại địa chỉ trên, nên việc ủy thác tư pháp của Tòa án cấp sơ thẩm là không đúng.

- Hàng thừa kế theo xác định của bản án sơ thẩm là không xác định rõ những người thừa kế của bà T2 (mẹ của bà P1). Bà A đã chết năm 2012 nhưng bản án sơ thẩm vẫn xác định bà A còn sống, ông H3 chết ngày 30/9/2022 nhưng bản án sơ thẩm xác định ông H3 chết năm 1995, bà P không phải là người thừa kế của bà T2. Do việc xác định người tham gia tố tụng của Tòa án sơ thẩm là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.

- Hồ sơ vụ án chỉ theo lời khai của nguyên đơn. Trong khi tại cấp phúc thẩm bị đơn đã nộp tài liệu chứng minh bị đơn là người xây dựng căn nhà. Do đó, Tòa án chưa làm rõ khối di sản bà P1 để lại gồm những tài sản nào.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng khi thực hiện triệu tập bị đơn không hợp lệ, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn, và cần phải xác minh để xác định hàng thừa kế của bà P1. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Hà Thúc M khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, và phân chia dị sản thừa kế do vợ ông là bà Đỗ Thị Song P1 (chết ngày 19/8/1997) để lại là 02 căn nhà tại địa chỉ số A đường A, ấp T, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Bà P1 và ông M là vợ chồng, có 01 con chung là ông H; Bà P1 có mẹ là bà Trần Thị T2, đã chết năm 2003 (chết sau bà P1); Có bố là ông Đỗ Hữu T1 đã chết năm 1996. Do bà T2 chết sau bà P1, nên hàng thừa kế thứ nhất của bà P1 gồm ông M, ông H, bà T2. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ văn bản trả lời kết quả xác minh số 36/CAP ngày 21/02/2020, Công an phường Đ, thành phố P-T có nội dung: *"...Bà Trần Thị T2, sinh ngày 07/5/1912, đã chết ngày 18/02/2003 có chồng và ba con như sau: Chồng: Đỗ Hữu T1, sinh năm 1913, đã chết 1996; Con: Đỗ Hữu H4, sinh năm 1951 (chết 1995); Con: Đỗ Thị Song A, sinh năm 1941, chuyển khẩu đi*

khỏi địa phương từ năm 1994 (không rõ địa chỉ cụ thể); Con: Đỗ Thị Như P, sinh năm 1961, hiện không có mặt và không còn hộ khẩu ở địa phương (không rõ địa chỉ cụ thể)…", để xác định hàng thừa kế của bà P1 gồm:

- Ông Hà Thúc M;

- Ông Hà Văn Trung H;

- Bà Trần Thị T2. Bà T2 mất năm 2003, hàng thừa kế của bà T2 gồm: Bà Đỗ Thị Song A, bà Đỗ Thị Như P và ông Hà Văn Trung H (thừa kế thế vị của bà P1). Do bà A và bà P không rõ địa chỉ cụ thể nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, để tiến hành xét xử vắng mặt bà A, bà P.

[3] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[3.1] Hồ sơ vụ án thể hiện địa chỉ của bị đơn mà Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện ủy thác tư pháp, tống đạt văn bản tố tụng là: 12826 163rd Ave SE, Renton, WA I, Hoa Kỳ. Ông M trình bày địa chỉ này là do ông cung cấp theo thư mời đám cưới của ông H ngày 29/5/2016. Theo đó, trên thư mời cưới thể hiện lễ vu quy tổ chức tại tư gia địa chỉ: 12826 163rd A, R, WA I, Hoa Kỳ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp và căn cứ kết quả niêm yết cho bị đơn theo địa chỉ trên để xét xử vắng mặt bị đơn.

Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm ông H trình bày đây là địa chỉ của nhà vợ, và từ năm 2017 căn nhà đã bị phát mãi nên gia đình vợ ông cũng không còn cư trú tại địa chỉ này. Do không có tài liệu chứng cứ thể hiện ông H có cư trú tại địa chỉ trên, nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào kết quả ủy thác tư pháp cho bị đơn theo địa chỉ trên để xét xử vắng mặt ông H là chưa đảm bảo thủ tục tố tụng.

Mặt khác, theo ông H trình bày thì di sản thừa kế của bà P1 theo xác định của Tòa án cấp sơ thẩm là không chính xác, nhưng vì không tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm nên ông không thể trình bày, và cung cấp chứng cứ chứng minh. Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn đã gây ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bị đơn cung cấp cho Tòa án các tài liệu sau: Trích lục khai tử số 179/TLKT-BS ngày 25/5/2023 của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P - T thể hiện bà Đỗ Thị Song A đã chết ngày 08/4/2012; Trích lục khai tử số 58/TLKT ngày 06/10/2022 của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P - T thể hiện ông Đỗ Hữu H4 đã chết ngày 30/9/2022. Vậy, thời điểm ông M khởi kiện và tại thời điểm xét xử sơ thẩm, thì bà A đã chết, và ông H4 vẫn còn sống. Ngoài ra, ông H còn trình bày là ông không biết bà Đỗ Thị Như P. Nội dung trình bày này đã được ông M xác nhận là đúng sự thật, nhưng do trong quá trình giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng kết quả xác minh tại Văn bản số 36/CAP ngày 21/02/2020 để giải quyết vụ án và không hỏi, nên ông không trình bày. Căn cứ vào nội dung trên thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định hàng thừa kế của bà T2 không chính xác, ảnh hưởng

đến hàng thừa kế của bà P1 và đã xác định thiếu người tham gia tố tụng, mà tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

[3.3] Mặt khác, nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu được nhận thừa kế bằng hiện vật, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về diện tích đất tranh chấp có đủ điều kiện để chia tách thửa, và không đo vẽ các phần diện tích có thể tách thửa là chưa đủ cơ sở để giải quyết vụ án. Bản án sơ thẩm giải quyết chia thừa kế di sản của bà P1 cho ông M, ông H và những người thừa kế của bà T2, nhưng quyết định không tạm giao kỷ phần thừa kế mà ông H và những người thừa kế của bà T2 cho ai quản lý, là giải quyết chưa triệt để gây ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự. Ngoài ra, tại cấp phúc thẩm ông H có cung cấp tài liệu, chứng cứ để cho rằng căn nhà trên đất là do ông H bỏ tiền xây dựng. Do đó, cần làm rõ tài liệu, chứng cứ này để xác định phần tài sản là di sản thừa kế của bà P1.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản án sơ thẩm có nhiều thiếu sót về tố tụng, gây ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; Hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[5] Bản án sơ thẩm bị hủy do các tài liệu, chứng cứ mới mà đương sự cung cấp ở cấp phúc thẩm, nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không có lỗi.

[6] Án phí và chi phí tố tụng:

- Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi giải quyết lại vụ án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hà Văn Trung H không phải chịu do hủy bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hà Văn Trung H (có ông Đỗ Trọng Q và bà Trịnh Thị H1 là đại diện theo ủy quyền);

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 780/2021/DS-ST ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi giải quyết lại vụ án.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Hà Văn Trung H không phải chịu; Hoàn trả cho ông H 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002949 ngày 25/8/2022 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- NĐ (1);
- BĐ (1);
-NLQ (3);
- Lưu (10) 20b (Án TTKY).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên